TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2023
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Thuận.

2. Ông Nguyễn Xuân Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 303/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Phố B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1971. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Phố B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện nay đang cai nghiện bắt buộc tại: Cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: Đường Thân Khuê, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, biên bản lấy lời khai của bị đơn Hoàng Văn L nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và Hoàng Văn L được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào 1994 nhưng không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau ngày cưới chị H anh L về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh L ở tại thôn Phố Biển, xã Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Chị H anh L đều xác định vợ chồng chung sống ban đầu hòa thuận hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L nghiện ma tuý có đi cai nghiện ma tuý nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi, thường xuyên mang tài sản gia đình đi bán lấy tiền mua ma tuý. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống không có hạnh phúc. Mặc dù sau nhiều năm cố gắng để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng cuộc sống giữa chị H anh không cải thiện. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với Hoàng Văn L, anh Hoàng Văn L cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng do hiện nay anh đang đi cai nghiện tập trung nên anh không nhất trí ly hôn với chị H. Nếu chị H kiên quyết ly hôn anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị H anh L có 02 con chung là Hoàng Văn Đ, sinh năm 1995 và Hoàng Thị Y, sinh năm 1998. Hiện hai con chung đã tưởng thành đủ 18 tuổi nên chị H anh L không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và Hoàng Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2023 UBND xã Biển Động xác định qua việc kiểm tra sổ sách và hệ thống lưu trữ tại UBND xã Biển Động cho thấy chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Biển Động.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện của chị H và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L là vợ chồng.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Hoàng Văn L. Bị đơn anh Hoàng Văn L đăng ký hộ khẩu thường trú tại Phố Biển, xã Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Hoàng Văn L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị H và Hoàng Văn L.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ theo lời khai cũng như xác minh tại địa phương thì được biết chị H và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 21/11/1994 và có hai con chung là Hoàng Văn Đ, sinh năm 1995 và Hoàng Thị Y, sinh năm 1998. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Trong quá trình chung sống chị H anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn chị H đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L. Anh L cũng xác định vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống nhưng anh không nhất trí, nếu chị H kiên quyết thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh L như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L có 02 con chung là Hoàng Văn Đ, sinh năm 1995 và Hoàng Thị Y, sinh năm 1998. Do các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004184 ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Đức Nhường